

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2022/HS-PT

Ngày: 06-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Ngô Thị B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo bị kháng cáo:

Ngô Thị B (Bỏn), sinh năm 1970, tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Ngô Xuân T (chết) và bà Phạm Thị M; có chồng: Nguyễn Văn C (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam ngày 23/9/2020, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Hoài S, Luật sư, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; địa chỉ: tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo Ngô Thị B theo yêu cầu của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo;

- Bị hại: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1966; địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Văn K: Ông Trần Huy T, sinh năm 1974; địa chỉ: tỉnh Bình Định, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Trong vụ án này còn có các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị B làm nghề nông. Năm 2014, B bắt đầu hoạt động cho vay nhưng do không có đủ tiền nên B đã vay tiền của ông Đặng Văn K, bà Võ Thị Mỹ D và bà Ngô Thị T V, rồi cho bà Trương Thị Băng C và ông Lê T T vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng tiền chênh lệch. Đến tháng 5/2016, bà C và ông T đi khỏi địa phương, không trả nợ cho B với tổng số tiền 1.780.000.000đ. Do sợ mất uy tín gia đình và để có tiền trả nợ, B đưa ra thông tin gian dối về việc có người nhà làm trong Ngân hàng và cần tiền để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất cao, thời hạn trả nợ ngắn để tiếp tục vay tiền của ông K, bà D và bà V. Hầu hết các lần nhận tiền, B đều viết giấy mượn tiền giao cho người cho vay cất giữ, đến khi tất toán khoản vay thì người cho vay giao lại giấy nhận tiền cho B.

Sau khi vay, B sử dụng tiền vay được để trả nợ cho chính những người cho vay và tiêu xài cá nhân. Hoạt động vay và cho vay được tiếp diễn nhiều lần và nhiều đối tượng khác nhau. Sau đó, do số tiền thâm hụt ngày càng lớn và để che giấu việc mất khả năng chi trả nên B tiếp tục dùng thủ đoạn nêu trên vay tiền của 09 người khác để trả nợ cho những người cho vay và tiêu xài cá nhân. Đến đầu năm 2020, do số tiền thâm hụt quá lớn, B không thể tiếp tục huy động tiền trả nợ. Để trì hoãn việc trả nợ, B nói dối với các bị hại là Ngân hàng đóng băng, chưa giải ngân. Để bị hại tin tưởng, B đã nhờ ông Nguyễn Văn C (chồng đã ly hôn) giả làm ông H (Giám đốc Ngân hàng) để nghe điện thoại mỗi khi B gọi. Từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020, ông C đã nghe điện thoại của B 26 lần để trả lời cùng một nội dung “*Tiền đang ở trong Ngân hàng, đang chờ giải ngân*”. Ngoài ra, cũng trong khoảng thời gian trên, ông C còn viết và ký tên 28 giấy nhận tiền thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn T (nhân viên tín dụng Ngân hàng) có nhận tiền của Ngô Thị B để đáo hạn cho các hộ dân, để B giao cho các bị hại sau khi vay tiền.

Quá trình điều tra xác định được Ngô Thị B đã dùng thủ đoạn nêu trên để vay mượn tiền của 12 người, cụ thể như sau:

1. Ông Đặng Văn K: Có quen biết với B từ năm 2014, bắt đầu cho B vay tiền từ tháng 4/2016 (âm lịch) để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng. Ban đầu, B thỏa thuận vay với lãi suất 2%/tháng, nhưng sau đó do cần tiền để trả nợ nên B đã nâng lãi lên 6%/tháng, 12%/tháng. Đến giai đoạn từ ngày 17/4/2019 (âm lịch) đến 19/5/2019 (âm lịch), B vay tiền của ông K nhiều lần để đáo hạn các khoản vay trong ngày, thỏa thuận lãi suất từ 15-30%/tháng. Sau khi thỏa thuận xong, ông K đến nhà B giao tiền mặt. Do tin tưởng, ông K không yêu cầu B viết giấy mượn tiền mà chỉ ghi sổ để theo dõi. Cụ thể, từ ngày 08/4/2016 (âm lịch) đến ngày 11/6/2019 (âm lịch) (14/5/2016 đến ngày 13/7/2019), B vay ông K 171 lần với tổng số tiền 422.539.450.000đ; đã trả tổng số tiền 343.119.290.000đ (gồm: tiền gốc 298.886.050.000đ, tiền lãi 40.057.320.000đ và trả tiền cho người khác giúp ông K 4.175.920.000đ). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của ông Đặng Văn K số tiền 79.420.160.000đ.

2. Ông Lê Văn N: Có quen biết với B từ tháng 6/2019 (âm lịch) thông qua bà Ngô Thị T V, bắt đầu cho B vay tiền từ tháng 7/2019 (âm lịch) để làm dịch vụ đáo

hạn Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận là 0,5%/ngày, thời hạn trả nợ từ 03-05 ngày. Sau khi thỏa thuận xong, ông N giao tiền trực tiếp cho B, hai bên viết giấy mượn tiền giao cho ông N cất giữ. Từ tháng 7/2019 (âm lịch) đến ngày 03/6/2020 (âm lịch) (tháng 8/2019 đến ngày 23/7/2020), B vay ông N 05 lần với tổng số tiền 2.025.000.000đ; chưa trả tiền gốc; đã trả lãi 192.750.000đ. Hiện nay, B còn chiếm đoạt của ông N số tiền 1.832.250.000đ.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng V: Có quen biết với B từ tháng 6/2019 thông qua bà Ngô Thị T V, bắt đầu cho B vay tiền từ tháng 8/2019 để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng với lãi suất thỏa thuận là 0,2%/ngày, thời hạn trả nợ là 05 ngày. Sau khi thỏa thuận xong, bà V gặp và giao tiền trực tiếp cho B. Sau đó, hai bên đến Văn phòng công chứng Bình Định làm Hợp đồng vay tài sản hoặc B viết giấy mượn tiền giao cho bà V cất giữ. Từ ngày 15/8/2019 đến ngày 21/12/2019 (âm lịch) (15/01/2020), B vay bà V 03 lần với tổng số tiền 4.400.000.000đ; đã trả tổng số tiền 300.000.000đ (gồm: tiền gốc 220.000.000đ, tiền lãi 80.000.000đ). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của bà V số tiền 4.100.000.000đ.

4. Bà Huỳnh Thị T: Có quen biết với B từ tháng 8/2019 (âm lịch) thông qua ông Đặng Văn K, bắt đầu cho B vay tiền từ tháng 9/2019 (âm lịch), để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận là 0,2-0,5%/ngày, thời hạn trả nợ là 03-05 ngày. Sau khi thỏa thuận xong, bà T giao tiền mặt cho B, hai bên viết giấy mượn tiền giao cho bà T cất giữ. Từ ngày 17/9/2019 (âm lịch) đến ngày 06/6/2020 (âm lịch) (ngày 15/10/2019 đến 26/7/2020), B vay bà T 08 lần với tổng số tiền 4.800.000.000đ; đã trả tổng số tiền 1.374.250.000đ (gồm: tiền gốc 1.250.000.000đ, tiền lãi 124.250.000đ). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của bà T số tiền 3.425.750.000đ.

5. Bà Bùi Thị T: Có quen biết với B do ở cùng địa phương, bắt đầu cho B vay tiền từ tháng 3/2019 (âm lịch) để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận là 02-05%/tháng, thời hạn trả nợ là 03-05 ngày. Sau khi thỏa thuận xong, bà T giao tiền mặt cho B, yêu cầu B viết giấy mượn tiền và cất giữ. Từ ngày 24/3/2019 (âm lịch) đến ngày 15/6/2019 (âm lịch) (ngày 28/4/2019 đến 17/7/2019), B vay bà T 10 lần với tổng số tiền 23.300.000.000đ; đã trả tổng số tiền 6.553.000.000đ (gồm: tiền gốc 4.300.000.000đ, tiền lãi 2.253.000.000đ). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của bà T số tiền 16.747.000.000đ.

6. Bà Võ Thị Mỹ D: Có quen biết với B do ở cùng địa phương, bắt đầu cho B vay tiền từ năm 2016 để làm đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay, B đã trả nợ đầy đủ, không còn giấy tờ chứng minh. Đến tháng 12/2017 (âm lịch), B tiếp tục vay tiền của bà D để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận là 05-09%/tháng, thời hạn trả nợ là 05 ngày. Sau khi thỏa thuận xong, bà D giao tiền mặt cho B, yêu cầu B viết giấy mượn tiền giao cho bà D cất giữ. Từ ngày 21/12/2017 (âm lịch) (06/02/2018) đến ngày 07/9/2019, B vay bà D 12 lần với tổng số tiền 4.250.000.000đ; đã trả tổng số tiền 1.926.750.000đ (gồm: tiền gốc 1.000.000.000đ, tiền lãi 926.750.000đ). Hiện B còn chiếm đoạt của bà D số tiền 2.323.250.000đ.

7. Ông Nguyễn Lâm H: Có quen biết với B từ năm 2015 thông qua cha vợ (là ông Đặng Văn K). Đến ngày 24/12/2019 (âm lịch) (18/01/2020), B vay của ông H

310.000.000đ để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 0,5%/ngày, thời hạn trả nợ là 03-04 ngày. Trong ngày, ông H đến nhà B giao tiền mặt cho B, yêu cầu B viết giấy mượn tiền giao cho ông H cất giữ. Sau khi vay, B trả cho ông H tổng số tiền 53.250.000đ (gồm: tiền gốc 30.000.000đ, tiền lãi 23.250.000đ). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của ông H số tiền 256.750.000đ.

8. Ông Lê Hồng D: Có quen biết với B từ tháng 9/2019 (âm lịch). Đến tháng 10/2019 (âm lịch), ông D bắt đầu cho B vay tiền để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất cao, thời hạn trả nợ ngắn. Từ ngày 04 đến ngày 08/10/2019 (âm lịch) (31/10/2019 đến 04/11/2019), B vay ông D 02 lần với tổng số tiền 3.900.000.000đ; đã trả tổng số tiền 134.000.000đ (tiền lãi). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của ông D số tiền 3.766.000.000đ.

9. Bà Hồ Thị Thúy H: Có quen biết với B từ tháng 9/2019 (âm lịch) thông qua các mối quan hệ xã hội. Đến ngày 08/10/2019 (âm lịch) (04/11/2019), B hỏi bà H vay số tiền 1.000.000.000đ, nói dối làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 0,2%/ngày, ngày trả nợ 18/10/2019 (âm lịch) (11 ngày). Do tin tưởng nên bà H đã cho B vay rồi yêu cầu B viết giấy mượn tiền giao cho bà H cất giữ. Sau khi vay, B đã trả cho bà H 200.000.000đ (tiền gốc). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của bà H số tiền 800.000.000đ.

10. Bà Phạm Thị Xuân Đ: Có quen biết với B từ tháng 9/2019 thông qua ông Đặng Văn K. Đến ngày 11/11/2019 (âm lịch) (06/12/2019), B hỏi bà Đ vay số tiền 2.370.000.000đ, nói dối làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, không thỏa thuận lãi suất do B nói làm đáo hạn xong thì Ngân hàng sẽ giải ngân ông K sẽ có tiền để trả nợ cho bà Đ, thời hạn trả nợ 05 ngày. Do tin tưởng và muốn ông K có tiền trả cho mình nên bà Đ đã cho B vay rồi yêu cầu B viết giấy mượn tiền giao cho bà Đ cất giữ. Sau khi vay, B chưa trả tiền cho bà Đ. Hiện nay, B còn chiếm đoạt của bà Đ số tiền 2.370.000.000đ.

11. Bà Lê Thị Phương D (đã chết, đại diện là ông Phạm Quang K): Bà D có quen biết với B từ năm 2017 thông qua các mối quan hệ xã hội. Đến tháng 3/2017, B vay tiền của bà D nhiều lần để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay, B đã trả tiền gốc, lãi cho bà D đầy đủ, đúng hạn. Đến tháng 8/2019, B tiếp tục hỏi vay tiền của bà D để làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 0,35 - 0,4%/ngày, thời hạn trả nợ là 03-05 ngày. Sau khi thỏa thuận xong, bà D giao tiền mặt cho B, yêu cầu B viết giấy mượn tiền giao cho bà D cất giữ. Từ ngày 29/3/2017 đến ngày 20/01/2020, B vay bà D 10 lần với tổng số tiền 9.300.000.000đ; đã trả tổng số tiền 5.319.865.000đ (tiền lãi). Hiện nay, B còn chiếm đoạt của bà D số tiền 3.980.135.000đ.

12. Bà Ngô Thị T V: Ngày 20/7/2020, bà Ngô Thị T V gửi đơn đến cơ quan điều tra tố cáo Ngô Thị B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà V 7.863.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình làm việc, mặc dù đã được Cơ quan điều tra yêu cầu nhưng bà V chưa cung cấp chứng từ gốc làm cơ sở xử lý; bà V ký nhận giấy triệu tập nhưng không đến Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định làm việc. Do đó, Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định không có cơ sở giải quyết.

Như vậy, từ ngày 14/5/2016 đến ngày 26/7/2020, Ngô Thị B đã vay tiền của 11 bị hại, với tổng số tiền 478.194.450.000đ, đã trả tổng số tiền 359.173.155.000đ (gồm: tiền gốc 310.061.970.000đ, tiền lãi 49.111.185.000đ). Do đó hiện nay, B còn chiếm đoạt của 11 bị hại tổng số tiền 119.021.295.000đ. Số tiền chiếm đoạt này, B sử dụng để trả lãi trong thời gian dài cho các bị hại (không có chứng từ chứng minh); cho bà Huỳnh Thị Ngà (sinh năm 1982, trú tại thôn Lương Lộc, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định) vay 210.000.000đ; còn lại tiêu xài cá nhân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- **Căn cứ vào:** Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Ngô Thị B tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/9/2020.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Buộc Ngô Thị B phải có trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn K 79.420.160.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự còn lại, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2022, bị hại ông Đặng Văn K có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét việc bỏ lọt tội phạm đối với hành vi của ông Nguyễn Văn C giúp sức cho bà Ngô Thị B chiếm đoạt tiền của bị hại nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại và ông K còn yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm tính lãi để đảm bảo quyền lợi của ông.

Tại phiên toà phúc thẩm, người bị hại ông Đặng Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Đặng Văn K cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại ông K cho rằng, ông Nguyễn Văn C (chồng bị cáo Ngô Thị B) có vai trò đồng phạm giúp sức cho Ngô Thị B chiếm đoạt tiền của bị hại nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Ông Đặng Văn K còn cho rằng, số tiền bị cáo Ngô Thị B chiếm đoạt của bị hại là do ông huy động vốn của người khác nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm phải tính tiền lãi mà ông K phải chịu tại các bản án để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Đặng Văn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Thị B đề nghị Hội đồng xem xét kháng cáo của người bị hại cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người bị hại ông Đặng Văn K thì thấy:

- Đối với ông Nguyễn Văn C: Tại đơn tố cáo ngày 18/9/2020 tại biên bản đối chất ngày 20/01/2021, tại Giấy mượn tiền ngày 05/3/2020 cũng như tại các bản lời khai trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, ông Đặng Văn K đều khai ông cho Ngô Thị B vay tiền và bị cáo B chiếm đoạt nên không có cơ sở để cho rằng ông Nguyễn Văn C là đồng phạm với Ngô Thị B.

- Đối với yêu cầu bồi thường tiền lãi: Do bị cáo Ngô Thị B bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Tòa án cấp sơ thẩm không tính lãi đối với khoản tiền bị cáo B chiếm đoạt của ông Đặng Văn K là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người bị hại ông Đặng Văn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đặng Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Đặng Văn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Buộc Ngô Thị B phải có trách nhiệm trả cho ông Đặng Văn K 79.420.160.000 đồng (bảy mươi chín tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về án phí: Ông Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Ngô Thị B, phần trách nhiệm dân sự còn lại, phần xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định (02);
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV, Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định (02);
- Những người tham gia tố tụng (03);
- Các bị hại (10);
- UBND xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

